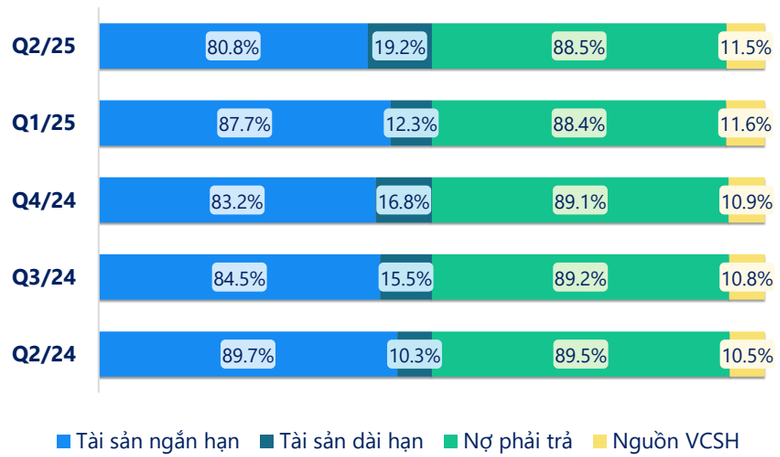
FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (UPCOM: HBC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	6,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	347,213,270
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,204,025
% sở hữu nước ngoài	10.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,257
P/E	29.6
EPS	220

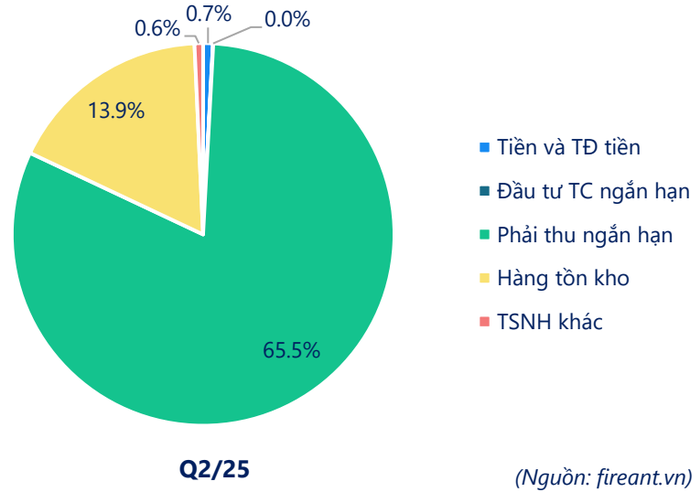
	YTD	1T	3T	6T
HBC	0.0%	-3.0%	0.0%	1.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



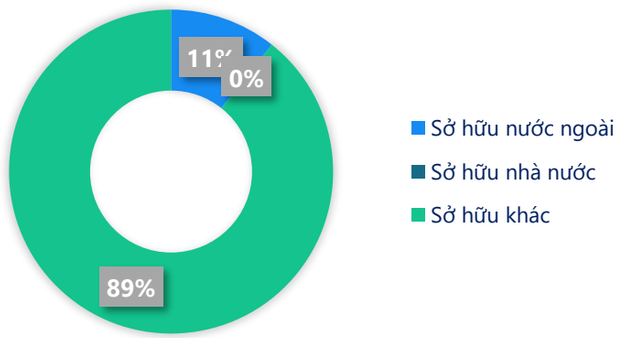
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



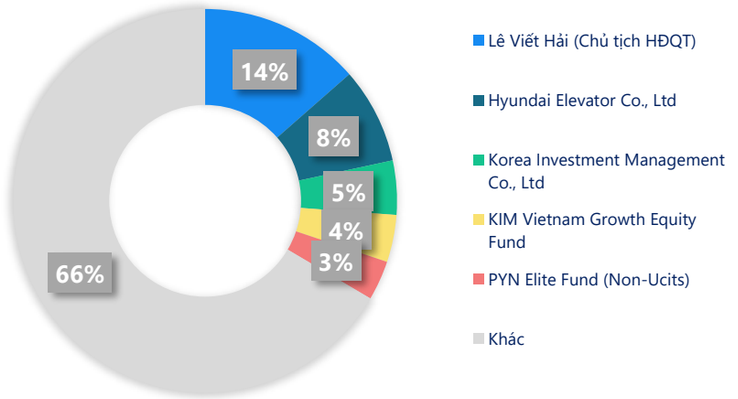
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



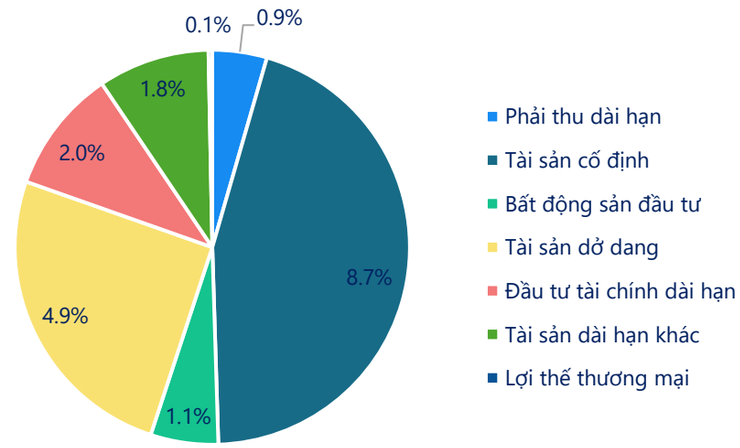
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

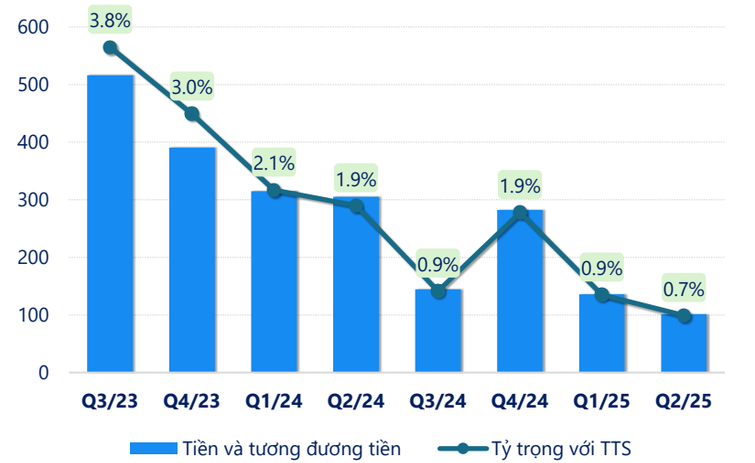


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

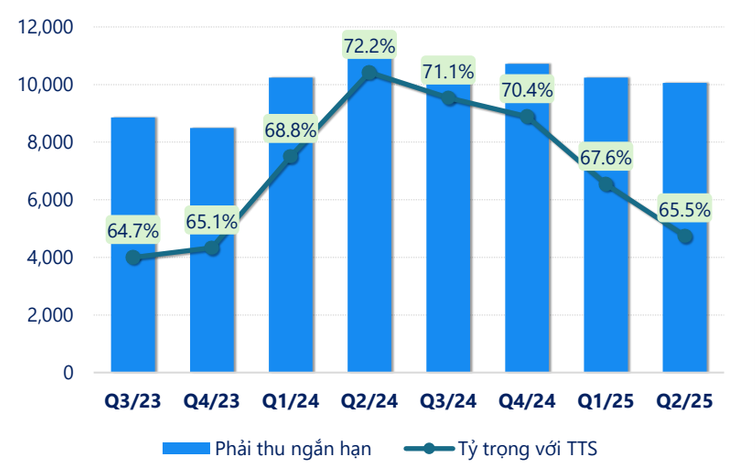
CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (UPCOM: HBC)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



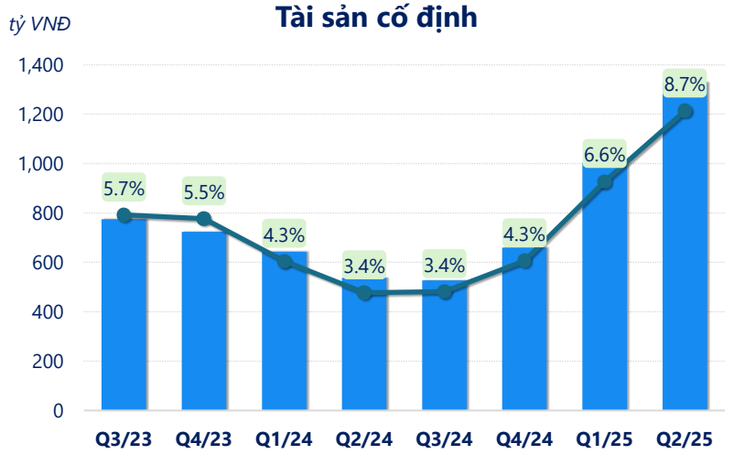
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



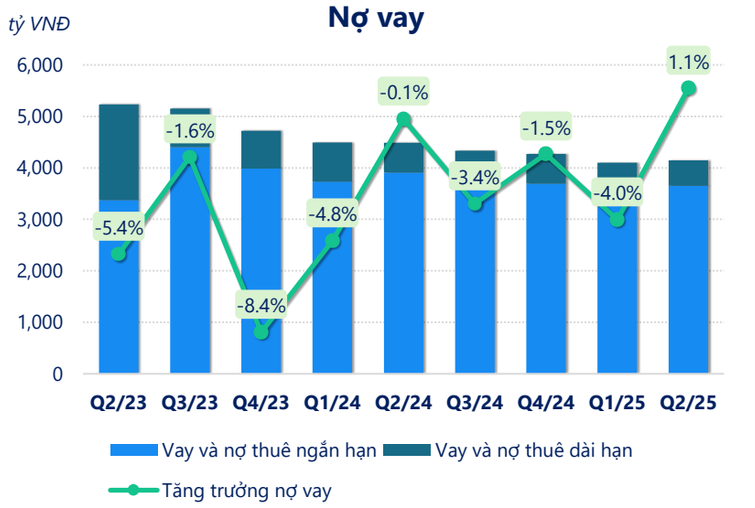
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



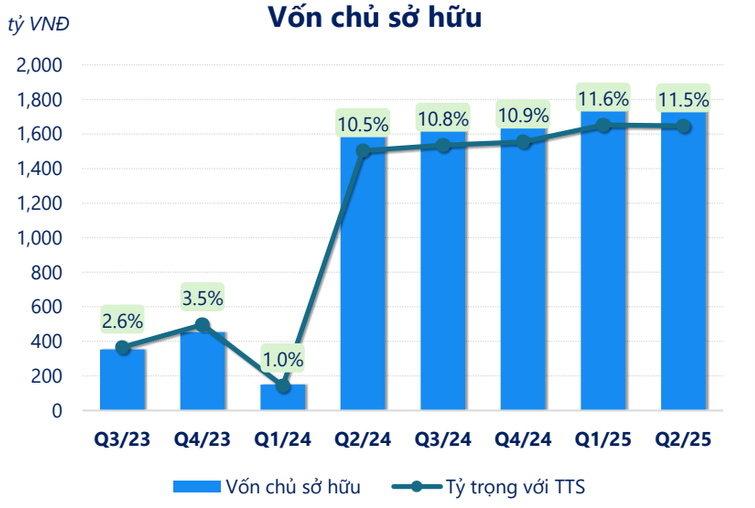
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

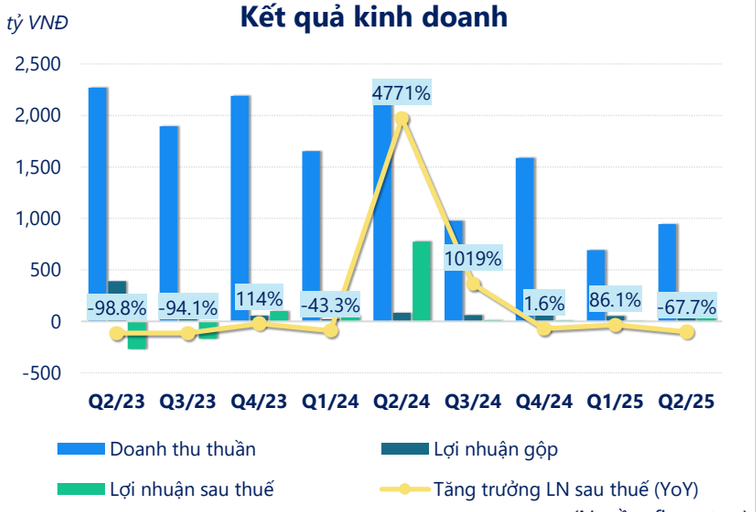
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

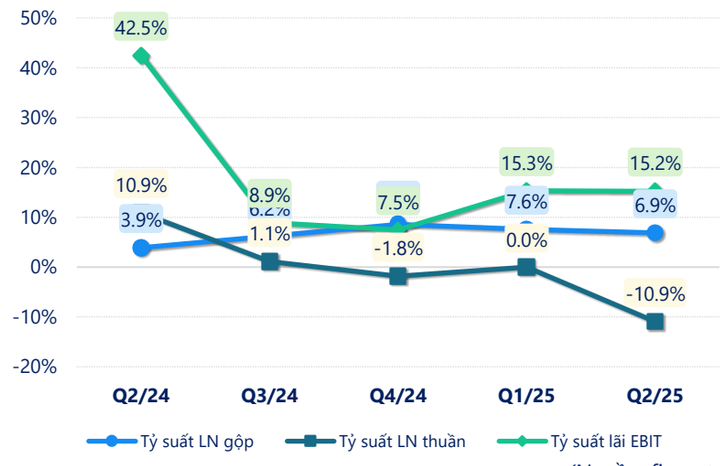
CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (UPCOM: HBC)

Kết quả kinh doanh



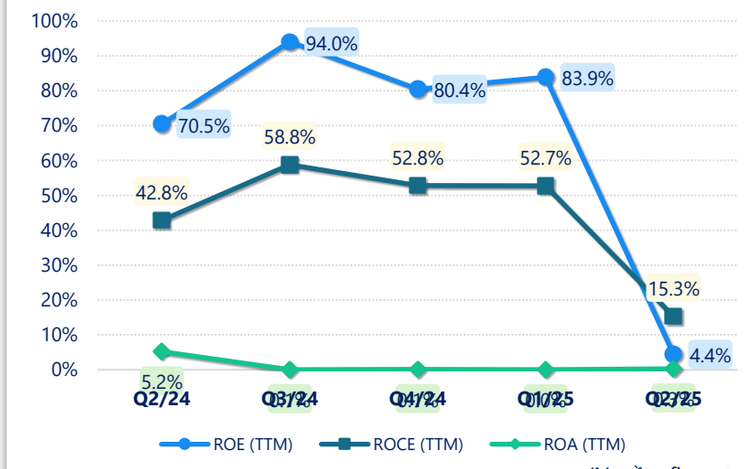
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



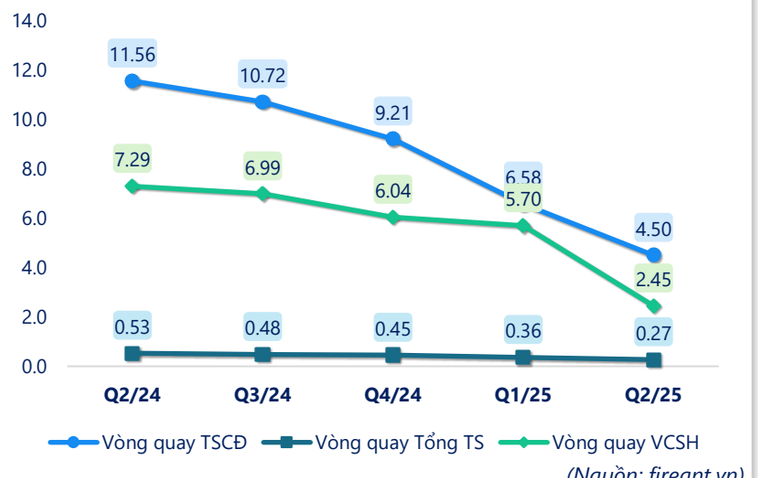
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



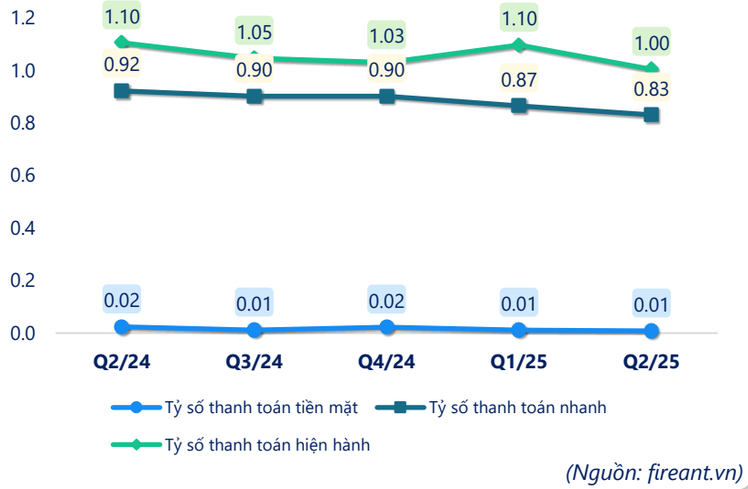
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



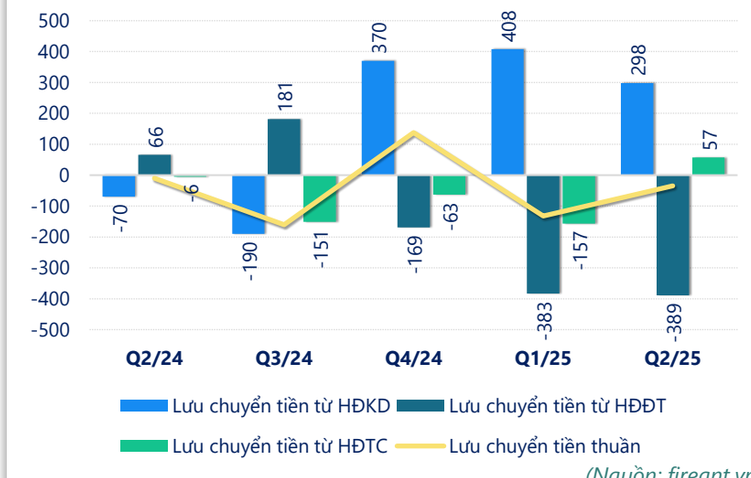
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (UPCOM: HBC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**15,339**	**15,412**	**-0.5%**
Tài sản ngắn hạn	12,388	13,735	-9.8%
Tiền và tương đương tiền	101	268	-62.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3.76	14.1	-73.4%
Phải thu ngắn hạn	10,054	11,012	-8.7%
Hàng tồn kho	2,140	2,357	-9.2%
Tài sản ngắn hạn khác	89.3	83.0	7.6%
Tài sản dài hạn	**2,952**	**1,677**	**76.0%**
Phải thu dài hạn	132	256	-48.5%
Tài sản cố định	1,329	660	101%
Bất động sản đầu tư	164	164	-0.2%
Tài sản dở dang	748	48.2	1453%
Đầu tư tài chính dài hạn	300	305	-1.7%
Tài sản dài hạn khác	**270**	**232**	**16.4%**
Lợi thế thương mại	9.17	12.3	-25.2%
Nợ phải trả	13,570	13,664	-0.7%
Nợ ngắn hạn	**12,342**	**12,411**	**-0.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,653	3,818	-4.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	4,264	4,171	2.2%
Nợ dài hạn	1,227	1,253	-2.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	490	532	-7.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,769**	**1,748**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,769**	**1,748**	**1.2%**
Vốn điều lệ	3,472	3,472	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	2,161	975	1,587	692	944
Giá vốn hàng bán	2,077	914	1,451	639	880
Lợi nhuận gộp	84.3	60.5	136	52.5	64.7
Doanh thu HĐTC	81.7	-22.3	48.5	10.8	46.1
Chi phí TC	130	72.0	106	96.9	94.5
Chi phí lãi vay	131	71.0	104	96.4	93.2
LN trong công ty LKLD	-19.9	0.23	-8.12	0.98	-0.66
Chi phí bán hàng	6.55	7.81	15.2	7.28	7.01
Chi phí QLDN	-226	-52.0	84.3	-39.8	112
LN thuần từ HĐKD	235	10.6	-29.2	-0.13	-103
Lợi nhuận khác	552	5.61	43.7	9.67	154
LN trước thuế	787	16.2	14.6	9.54	50.7
Lợi nhuận sau thuế	773	12.7	9.45	5.39	46.0
LNST của CĐ cty mẹ	771	7.86	12.2	5.42	50.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-69.8	-190	370	408	298
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	65.5	181	-169	-383	-389
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.53	-151	-63.3	-157	57.0
Tiền đầu kỳ	315	305	144	268	136
Lưu chuyển tiền thuần	**-9.86**	**-160**	**138**	**-132**	**-34.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.09	0	-0.09	0	0.00
Tiền cuối kỳ	305	144	282	136	101

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic